TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/HC-PT
Ngày 21 tháng 8 năm 2025
"V/v Khiếu kiện hành vi hành chính"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiếu Phương Quyền - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 343/2025/TLPT-HC ngày 13 tháng 5 năm 2025 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực lao động"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2025/HC-ST ngày 14/01/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 467/2025/QĐPT-HC ngày 06 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn TP** (Tạm viết tắt là **Công ty TP)**;

Địa chỉ: Phòng 2, Tầng 24, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 08 Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Phòng 2, Tầng 24, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 08 Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh);

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện (Văn bản ủy quyền ngày 11/4/2024):

- Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1977 – Có mặt;

- Bà Huỳnh Thị Thùy D, sinh năm 1996 – Có mặt;

Cùng địa chỉ: Số 203 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là số 203 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh);

2. Người bị kiện: **Chánh Thanh tra Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội Thành phố H;**

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Chánh Thanh tra Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội Thành phố H: **Giám đốc Sở Nội vụ Thành phố H;**

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện (Văn bản ủy quyền số 1151/GUQ-SNV ngày 29/7/2025: Ông Phạm Văn T[2], Phó Giám đốc Sở Nội vụ Thành phố H – Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Hồ Văn T[1], Phó Trưởng phòng Phòng Kiểm tra và Pháp chế – Có mặt;

- Bà Nguyễn Minh Hoàng Y, chuyên viên Phòng Kiểm tra và Pháp chế – Có mặt;

- Ông Võ Anh H[1], chuyên viên Phòng Lao động Tiền lương và Bảo hiểm xã hội – Có mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Vũ Đình T, sinh năm 1972 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 8A, Đường số 12, Khu phố 1, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số 8A, Đường số 12, Khu phố 1, phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh);

4. Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Đình T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 11/4/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện trình bày:

Ông Vũ Đình T là người lao động của Công ty TP kể từ ngày 01/02/2019 theo Hợp đồng lao động số 095-2019/HĐ-TP ngày 01/02/2019, loại hợp đồng

không xác định thời hạn. Từ năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch COVID, hoạt động của công ty đình trệ nên vào ngày 12/01/2022 Công ty TP gửi cho ông T Thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với ông T.

Đến ngày 28/02/2022, Công ty TP ban hành Quyết định số 54-2022/TV-TP về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông T kể từ ngày 01/3/2022 vì lý do kinh tế theo khoản 11 Điều 34 và Điều 42 Bộ luật lao động năm 2019. Công ty TP đã trả cho ông T các khoản gồm: Trợ cấp thôi việc 03 tháng (43.422.681 đồng) + tiền thưởng tháng 13 (2.412.371 đồng) và cùng ngày ông T đã ký nhận Quyết định nghỉ việc này.

Sau khi nghỉ việc, ông T thử việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cà phê N ở Đắk Lắk từ ngày 11/5/2022 đến ngày 11/7/2022 làm việc chính thức cho đến hết ngày 11/7/2023.

Ngày 19/9/2023, ông T gửi đến Công ty TP khiếu nại về việc Công ty TP thông báo và chấm dứt hợp đồng lao động với ông là trái quy định tại Điều 39 Bộ luật lao động. Tuy nhiên, Công ty TP không nhận được đơn khiếu nại lần đầu của ông T.

Ngày 19/10/2023, ông T tiếp tục gửi đơn khiếu nại (lần 2) đến Chánh Thanh tra Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Thành phố H (sau đây viết tắt là Chánh Thanh tra) thì Chánh thanh tra ban hành Quyết định số 120/QĐ-TTS ngày 05/02/2024 (sau đây viết tắt là Quyết định số 120) có nội dung khiếu nại của ông T là đúng và đề nghị Công ty TP phải thực hiện đúng theo Điều 41 Bộ luật lao động về nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với ông T và Thanh tra Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Thành phố H ban hành Văn bản số 330/TTS-PCTN ngày 18/3/2024 về việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai (sau đây viết tắt là Văn bản số 330).

Công ty TP khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 120 và tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty TP bổ sung khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 330;

Tại văn bản số 1257/TTS-PCTN ngày 06/11/2024 và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Ông T khiếu nại Công ty TP đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông là trái quy định của pháp luật và yêu cầu giải quyết đúng chế độ theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/9/2023, Công ty TP nhận được đơn khiếu nại lần đầu của ông T nhưng Công ty TP không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu. Ông T khiếu nại lần 2 thì Chánh thanh tra ban hành Quyết định số 120.

Kết quả xác minh, đối thoại giữa ông T với Công ty TP, có cơ sở để xác định việc khiếu nại của ông T là đúng, vì các lý do sau:

- Hợp đồng lao động giữa Công ty TP với ông T là hợp đồng lao động không xác định thời hạn;

- Công ty TP chấm dứt hợp đồng lao động với ông T với lý do áp dụng khoản 11 Điều 34. Điều 42 Bộ luật lao động nhưng không có tài liệu chứng minh. Cụ thể:

+ Công ty TP không xây dựng và thực hiện Phương án sử dụng lao động theo quy định tại Điều 44 Bộ luật lao động là sai quy định tại khoản 4 Điều 42 Bộ luật lao động.

+ Công ty TP không trao đổi ý kiến với tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở … và không thông báo trước 30 ngày cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động là sai quy định tại khoản 6 Điều 42 và Điều 44 Bộ luật lao động.

+ Tại thời điểm giải thể Công đoàn cơ sở Công ty TP theo Quyết định số 24/QĐ-LĐLĐ ngày 09/02/2022 của Liên đoàn lao động Quận 7 với lý do Công ty TP không còn lao động và đoàn viên Công đoàn, nhưng theo số liệu do Bảo hiểm xã hội Quận 7 cung cấp thì tháng 02/2022, Công ty TP vẫn còn 138 lao động nên việc Công ty TP đề nghị giải thể Công đoàn cơ sở là không đúng tình hình thực tế. Liên đoàn lao động Quận 7 cũng xác nhận Công ty TP không có trao đổi về việc cho thôi việc đối với nhiều người lao động theo Thông báo ngày 12/01/2022.

Như vậy, Công ty TP ban hành quyết định nghỉ việc đối với ông T là hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn là trái quy định tại Điều 34 và Điều 36 Bộ luật lao động.

Chánh Thanh tra đề nghị bác khởi kiện của Công ty TP.

Tại văn bản ngày 29/10/2024 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Đình T trình bày: Ông không đồng ý khởi kiện của Công ty TP, yêu cầu giữ nguyên Quyết định số 120.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2025/HC-ST ngày 14/01/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ các điều: 3, 32, 116, 123, 143, 157, 193, 194 và Điều 206 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH TP hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 120/QĐ-TTS ngày 05/02/2024 của Chánh Thanh tra Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và Văn bản số 330/TTS-PCTN ngày 18/3/2024 về thi hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chánh Thanh tra Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/01/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Đình T có đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Vũ Đình T nộp Bản luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo đề ngày 21/8/2025 và trình bày ông kháng cáo yêu cầu bác yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn TP.

Đại diện Công ty Trách nhiệm hữu hạn TP nộp Bản luận cứ bảo vệ và không đồng ý kháng cáo của ông Vũ Đình T, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Giám đốc Sở Nội vụ Thành phố H không có ý kiến.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; Đơn kháng cáo hợp lệ về hình thức. Về nội dung đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Vũ Đình T đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người bị kiện có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính thì việc xét xử phúc thẩm vẫn được tiến hành.

[2] Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đang thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động giữa nguyên đơn là ông Vũ Đình T với bị đơn là Công ty TP, nên phạm vi của vụ án này chỉ

xem xét giải quyết khiếu kiện vụ án hành chính của Công ty TP đối với Quyết định số 130 và Văn bản số 330.

Công ty TP khởi kiện Quyết định số 130 và Văn bản số 330 đến Toà án là chưa quá 01 năm, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính bị khởi kiện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

[3] Từ tháng 5 năm 2022, ông Vũ Đình T đã nhận được Quyết định số 54-2022/TV-TP ngày 28/02/2022 cho ông T nghỉ việc, nhưng đến ngày 19/9/2023 ông T mới gửi đơn khiếu nại lần đầu đến Công ty TP là đã quá thời hạn 180 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định số 54-2022/TV-TP ngày 28/02/2022 và cũng đã hết thời hiệu giải quyết khiếu nại lần đầu (180 ngày) theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 24/2018/NĐ-CP ngày 27/02/2018 của Chính phủ, nên theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 24/2018/NĐ-CP ngày 27/02/2018 của Chính phủ thì khiếu nại của ông Vũ Đình T thuộc trường hợp khiếu nại không được thụ lý giải quyết.

[4] Nghị định số 24/2018/NĐ-CP ngày 27/02/2018 của Chính phủ quy định như sau:

- Tại Điều 7: *"1. Thời hiệu khiếu nại lần đầu là 180 ngày, kể từ ngày người khiếu nại nhận được hoặc biết được quyết định, hành vi của người sử dụng lao động, của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, của doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, của tổ chức dịch vụ việc làm, tổ chức có liên quan đến hoạt động tạo việc làm cho người lao động, tổ chức đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bị khiếu nại.*

2. Trường hợp người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu quy định tại khoản 1 Điều này vì ốm đau, thiên tai, địch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác thì thời gian trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại."

- Tại khoản 2 Điều 15: *"Chánh Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, nơi người sử dụng lao động đặt trụ sở chính có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai đối với khiếu nại về lao động, an toàn, vệ sinh lao động khi người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết lần đầu theo quy định tại Điều 23 hoặc đã hết thời hạn quy định tại Điều 20 Nghị định này mà khiếu nại không được giải quyết."*

- Tại khoản 1 Điều 20: *"Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý."*

- Tại khoản 1 Điều 27:*"Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại quy định tại Điều 20 của Luật này mà khiếu nại lần đầu không được giải quyết hoặc kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu mà người khiếu nại không đồng ý thì có quyền khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai; đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày."*

Ông T có đơn khiếu nại lần 1 ngày 19/9/2023, báo phát thể hiện người nhận đơn tên V ngày 21/9/2023. Khi chưa hết thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu (30 ngày) thì vào ngày 19/10/2023 ông T tiếp tục gửi đơn khiếu nại lần 2 thì Chánh Thanh tra Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Thành phố H ban hành Thông báo số 2135/TB-TTS ngày 06/11/2023 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại đối với đơn khiếu nại của ông T với lý do thời hiệu khiếu nại đã hết; đến ngày 04/12/2023 Chánh Thanh tra Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Thành phố H ban hành Thông báo số 2319/TB-TTS thu hồi Thông báo số 2135/TB-TTS ngày 06/11/2023 với lý do căn cứ vào khoản 2 Điều 7 Nghị định số 24/2018/NĐ-CP ngày 27/02/2018 của Chính phủ; đến ngày 21/12/2023 Chánh Thanh tra Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Thành phố H ban hành Thông báo số 2377/TB-TTS thụ lý giải quyết khiếu nại lần 2 theo đơn khiếu nại ngày 19/10/2023 của ông T.

[5] Sau khi nghỉ việc, bắt đầu từ ngày 11/5/2022 thì ông T đã làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cà phê N ở tỉnh Đắk Lắk, hoàn toàn không bị ốm đau, thiên tai, địch họa hoặc trở ngại khách quan làm cho ông T không thể thực hiện được quyền khiếu nại, nên việc Chánh Thanh tra Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Thành phố H ban hành Thông báo số 2135/TB-TTS ngày 06/11/2023 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại đối với đơn khiếu nại của ông T với lý do thời hiệu khiếu nại đã hết là có cơ sở, nhưng sau đó, Chánh Thanh tra Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Thành phố H căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị định số 24/2018/NĐ-CP ngày 27/02/2018 của Chính phủ để thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông T là không đúng, vì trong thời gian từ sau khi nghỉ việc tại Công ty TP cho đến ngày 19/9/2023, ông T không thuộc các trường hợp trở ngại làm cho ông không thể thực hiện được quyền khiếu nại theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 24/2018/NĐ-CP ngày 27/02/2018 của Chính phủ; Các lý do ông T đưa ra để chứng minh ông bị trở ngại khách quan làm cho ông không thể thực hiện được quyền khiếu nại trong thời hạn luật định

đều là theo nhận thức chủ quan của ông, nên không có cơ sở theo quy định của pháp luật để chấp nhận.

Như vậy, Chánh Thanh tra Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Thành phố H thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông T là không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 7, khoản 2 Điều 15 và Khoản 1 Điều 27 Nghị định số 24/2018/NĐ-CP ngày 27/02/2018 của Chính phủ đã viện dẫn trên. Do đó, Bản án sơ thẩm đã hủy Quyết định số 120/QĐ-TS ngày 05/02/2024 của Chánh Thanh tra Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Thành phố H và hủy Công văn số 330/TTS-PCTN ngày 18/3/2024 của Thanh tra Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Thành phố H (là văn bản hành chính có liên quan quyết định hành chính bị khởi kiện) là có căn cứ.

[6] Từ các phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Đình T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[7] Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông Vũ Đình T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm;

[8] Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Đình T; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2025/HC-ST ngày 14/01/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn TP;

Hủy Quyết định số 120/QĐ-TTS ngày 05/02/2024 của Chánh Thanh tra Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Đình Thoan (lần hai) và hủy Công văn số 330/TTS-PCTN ngày 18/3/2024 của Thanh tra Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Thành phố H về việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai;

3. Ông Vũ Đình T phải nộp án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* và được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo Biên lai thu tiền số 0070023 ngày 28/02/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh);

4. Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và Kiểm sát XXPT VKSNDTC tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, TPQ (16b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công